

CƠ CẤU CÔNG QUYỀN VIỆT NAM DƯỚI THỜI QUÂN CHỦ (939 – 1945)

Cơ cấu công quyền Việt Nam thời quân chủ đã được hình thành và tồn tại hơn một ngàn năm kể từ khi thoát khỏi ách đô hộ của Tàu vào năm 939 khi Ngô Quyền xưng vương kéo dài cho đến năm 1945 khi vị vua cuối cùng của triều Nguyễn là Bảo Đại thoái vị.

Sau khi đánh bại và giết chết tướng Hoàng Thao chỉ huy đạo quân Nam Hán tại trận Bạch Đằng Ngô Quyền lên ngôi vua xưng là Ngô Vương và đóng đô ở Cổ Loa mở đầu cho giai đoạn độc lập quân chủ của Việt Nam. Sau một ngàn năm lệ thuộc ngoại bang, mới dành được độc lập chưa kịp tổ chức một guồng máy cai trị và xây dựng đất nước hữu hiệu thì vào năm 944 Ngô Quyền qua đời sau 5 năm trị vì lúc ông mới có 47 tuổi. Vì chưa có được một nền tảng cai trị vững chắc cho quốc gia nên khi Ngô Quyền mất đi đất nước rơi vào loạn lạc do các thế lực tranh dành quyền bính dẫn đến loạn 12 sứ quân kéo dài trên 20 năm. Mãi đến khi Đinh Bộ Lĩnh dẹp được 12 sứ quân vào năm 968 thống nhất quyền bính, đất nước mới thực sự bước vào giai đoạn độc lập với các vương triều quân chủ có các cơ cấu công quyền hữu hiệu.

CƠ CẤU CÔNG QUYỀN THỜI NHÀ ĐÌNH (968-980).

Sau khi dẹp xong loạn 12 sứ quân, vào năm 968 Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, và dời đô từ Cổ Loa về Hoa Lư. Khi cầm quyền, nhà vua đã tổ chức lại guồng máy cai trị. Trước tiên vào năm 971 vua Đinh Tiên Hoàng bắt đầu quy định các cấp bậc quan văn võ trong triều đình để thưởng những người có công trạng trong việc dẹp loạn 12 sứ quân như các tước công, hầu... cũng như phân chia trách nhiệm cho các quan văn võ trong việc cai trị như:

- * Chức Ngoại giáp phụ trách việc ngoại giao đặc biệt việc triều cống với Trung Hoa
- * Chức Đô hộ phủ sĩ sự là chức vụ coi việc hình án.
- * Chức Thập đạo tướng quân trông coi việc quân binh ...

Ngoài ra, vua Đinh cũng phong tước cho các nhà sư vì những đóng góp của họ trong quá trình dẹp loạn 12 sứ quân như tước Khuông Việt Đại sư dành cho Tăng thống Ngô Chân Lưu là người lo về Phật sự và cố vấn cho vua trong các việc quốc gia ... Đến năm 975 nhà vua lại cho quy định các loại hình áo mũ cho các quan văn võ. Tuy vậy bộ máy chính quyền nhà Đinh bấy giờ vẫn hầy còn rất đơn sơ.

Về phương diện hành chánh, Đinh Tiên Hoàng chia nước ra làm 10 Đạo, dưới Đạo là Châu và Động. Song song với 10 Đạo hành chánh, toàn quân cũng được chia ra làm 10 đạo: mỗi đạo có 10 quân, 1 quân 10 lữ, 1 lữ 10 tốt, 1 tốt 10 ngũ, 1 ngũ 10 người. Nếu tổ chức đúng như vậy thì đội quân của nhà Đinh phải có một triệu người. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu lịch sử cho rằng con số đó không có thực, chỉ là phác thảo về cách tổ chức mà thôi. Sử gia Trần Trọng Kim ước đoán quân đội nhà Đinh nhiều nhất chỉ có khoảng 10 vạn quân.

Về phương luật pháp vì ảnh hưởng nhiều năm từ thời loạn lạc, nhiều người quen thói thời loạn, không chịu tuân theo luật lệ. Do đó vua Đinh Tiên Hoàng đã dùng pháp luật nghiêm ngặt để trừng trị. Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư thì vua Đinh Tiên Hoàng cho đặt vạc lớn ở sân triều và nuôi hổ dữ để răn đe và trừng trị những kẻ vi phạm luật pháp.

Ngoài ra, nhà vua cũng cho lệnh đúc đồng tiền Thái Bình hưng bảo để làm dễ dàng cho việc giao thương trong dân chúng, đây có thể nói là đồng tiền đầu tiên của Việt Nam

Tuy trị vì có 12 năm ngắn ngủi nhưng nhà Đinh đã xây dựng một được bộ máy cai trị hữu hiệu trên lãnh thổ và dù chưa được hoàn bị như nhà Lý sau này nhưng bộ máy công quyền đã bước đầu đi vào nề nếp.

CƠ CẤU CÔNG QUYỀN THỜI NHÀ TIỀN LÊ (980-1009)

Sau khi Đinh Tiên Hoàng và con bị ám hại, và trước nguy cơ bị quân Tống xâm lăng, năm 980 triều thần và thái hậu Dương Vân Nga đưa Thập đạo tướng quân Lê Hoàn lên làm vua lập ra nhà Tiền Lê với vương hiệu Lê Đại Hành.

Nhà Tiền Lê nối tiếp và hầu như giữ nguyên mọi qui củ của nhà Đinh như vẫn giữ tên nước là Đại Cồ Việt và đóng đô ở Hoa Lư. Tuy nhiên, vua Lê Đại Hành cũng đặt thêm một số các chức quan trong triều như Thái sư, Thái úy, Đại tổng quản, và Nha nội đô chỉ huy sứ để giúp vua quản trị những trách vụ quan trọng trong việc cai trị đất nước.

Để mở mang lãnh thổ và dễ dàng trong việc bình định cũng như việc thu thuế các vua nhà Tiền Lê đã lập ra các chức quan lo việc mở mang giao thông, lo việc xây đắp nhiều đường bộ, xây dựng cửa ải, vét đào kinh, đóng thuyền ở các bến sông để chở người qua lại.

Nhà Tiền Lê cũng đặt ra lệ đánh thuế căn cứ vào số lượng tài sản về ruộng đất, thuế thổ sản chỉ lấy công phẩm mà không thu bằng tiền. Đồng thời, triều đình có chính sách khuyến khích thương mại. Những người buôn bán không phải nộp thuế, coi như họ chỉ bán những nông phẩm của ruộng đất mà ruộng đất đã chịu thuế rồi. Về ngoại thương, đối tác chánh yếu của Đại Cồ Việt là Trung Hoa nên hai bên lập ra những nơi giao dịch song phương gọi là *Bạc dịch trường* đặt trên các tuyến đường xuyên biên giới.

So với nhà Đinh tập trung hết quyền hành về tay hoàng đế, vua Lê Đại Hành đã chia trách nhiệm cho các đại thần. Trong 29 năm trị vì nhà Tiền Lê đã phát triển được một guồng máy cai trị vững chắc và hữu hiệu nên dân chúng an cư, quân đội qui củ khiến nhà Tống ở phương bắc kiêng nể và tỏ ra dè dặt không dám gửi quân sang đánh chiếm và nước Chiêm Thành ở phương nam nhiều lần bị thảm bại trong các trận đánh với Đại Cồ Việt nên phải qui phục và triều cống.

CƠ CẤU CÔNG QUYỀN THỜI NHÀ LÝ (1009-1225)

Người khởi đầu cho triều đại nhà Lý là Lý Công Uẩn. Khi lên ngôi vua vào năm 1009 Lý Công Uẩn lấy hiệu là Lý Thái Tổ và đổi tên nước thành Đại Việt. Một năm sau tức năm 1010 nhà vua cũng cho dời đô về thành Đại La. Thành Đại La sau được đổi tên là

Thăng Long tức Hà Nội ngày nay. Thành Đại La được xây dựng bên ngoài có một vòng thành cao, dưới có đào hào, mở bốn cửa về bốn phía: đông, tây, nam, bắc. Vòng thành này được gọi là Long thành hay Hoàng thành; bên trong có nhiều cung điện làm nơi ở, nơi làm việc của vua quan, và giới quý tộc triều đình. Các cung điện thời Lý đều được làm bằng gỗ, lợp ngói ống, có đầu bít ngói hình rồng, hình phượng, hình hoa sen, tạo thành một diềm mái trước lầu rồng, gác phượng. Bên trong Hoàng thành có một khu vực được bảo vệ đặc biệt, gọi là Cẩm thành, là nơi dành riêng cho vua, hoàng hậu và các cung tần.

Về tổ chức chính quyền nhà Lý đã đem lại nhiều canh tân đáng kể và một cơ cấu công quyền có hệ thống được áp dụng từ trung ương cho đến địa phương với các chức chương và trách nhiệm rõ ràng. Ở trung ương các chức chương như Tướng công, Thái phó được vua nhà Lý ban cho những người có nhiệm vụ trực tiếp điều khiển toàn bộ chính quyền. Phụ tá cho các Thái phó là Tả tham tri chính sự, Hữu tham tri chính sự, và Hành khiển. Cấp hành chính trung ương bao gồm 3 bộ phận chủ yếu là:

1/ Các cơ quan trực tiếp giúp việc cho hoàng đế như sảnh, hàn lâm viện:

Sảnh.- Sảnh là các cơ quan giúp việc cho hoàng đế. Nhà Lý có 2 sảnh hay được nhắc đến trong các tư liệu lịch sử cũ là Thượng thư sảnh và Trung thư sảnh. Đứng đầu các sảnh là chức Viên ngoại lang.

Hàn lâm viện.-Hàn lâm viện là cơ quan giúp việc cho hoàng đế chỉ được lập ra vào thời Lý Nhân Tông có chức năng giúp Hoàng đế soạn thảo các văn kiện. Người đứng đầu Hàn lâm viện là Hàn lâm học sĩ.

2/ Các cơ quan đầu não của triều đình như Khu mật viện, Quốc tử giám, các bộ:

Khu mật viện.- Khu mật viện có từ thời Lý Thái Tổ, có chức năng tham mưu cho Hoàng đế và các việc cơ mật. Đứng đầu khu mật viện là Khu mật sứ; có Tả sứ và Hữu sứ phụ tá.

Quốc tử giám.- Năm 1076, Lý Nhân Tông cho lập Quốc Tử Giám để phát triển giáo dục trong cả nước. Có thể xem Quốc Tử giám là Bộ Giáo dục của Đại Việt thời Lý.

Bộ.- Được lập ra từ vào thời Lý Thần Tông, và có 6 bộ là bộ Hộ, bộ Lễ, bộ Lại, bộ Binh, bộ Hình và bộ Công.

3/ Các cơ quan trợ tá giúp việc cho triều đình gồm có các viện, ty, và cuộc.

Các cấp hành chính ở địa phương cũng được vua Lý Thái Tổ sắp xếp lại. Các đạo thời Đinh và Tiền Lê được thay thế bằng lộ, phủ nếu là ở đồng bằng, là châu, trại nếu là vùng rừng núi hoặc vùng xa kinh đô. Cả nước được chia ra làm 24 lộ, 6 phủ, 24 châu. Dưới lộ, phủ, châu là huyện, hương, giáp, phường, thôn. Đứng đầu bộ máy hành chính của các lộ, phủ là tri phủ, phán phủ, của các châu là tri châu, của các trại là quan mục. Đứng đầu bộ máy hành chính của các huyện là huyện lệnh. Cùng cấp với huyện là hương. Tương đương với các huyện nhưng ở kinh đô thì gọi là phường. Các huyện, hương lại chia thành các giáp. Đứng đầu giáp là quản giáp và chủ đô. Các giáp lại chia thành các thôn do thôn trưởng cai quản. Như vậy về thể chế quản trị, bộ máy công quyền đã có sự phân cấp rõ ràng hơn và sự cai trị cũng đã dựa nhiều vào pháp luật hơn là sự chuyên quyền độc đoán của cá nhân như các đời vua trước đó.

Để đào tạo và tuyển dụng người có tài, nhà Lý cho thành lập Văn Miếu thờ Khổng Tử và mở trường Quốc Tử Giám vào năm 1076 để giáo huấn con của vua cũng như của các quan và cả người dân thường có tài không phân biệt nguồn gốc. Nhà vua cũng cho mở những khoa thi tam trường để lấy Cử nhân, nhưng các khoa thi chỉ được mở ra khi nào triều đình cần người tài giỏi ra giúp nước chứ chưa có mở định kỳ. Với việc nhà Lý cho lập Văn Miếu và bắt đầu mở các kỳ thi để chọn người tài, chứng tỏ ảnh hưởng của Nho giáo đã bắt đầu lấn át dần ảnh hưởng của Phật giáo. Tuy nhiên vào các đời vua đầu tiên của nhà Lý như đời vua Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông... đạo Phật vẫn còn ảnh hưởng rất mạnh và việc chép kinh, đúc chuông, tạc tượng, xây chùa v.v... vẫn tiếp tục được phổ biến và phát triển. Nhiều chùa được xây dựng dưới thời nhà Lý vẫn còn tồn tại tới ngày nay là chùa Phật tích, chùa Báo Thiên, Chùa Keo, Chùa Trần Quốc, Chùa Một Cột, Chùa Thầy.

Về phương diện luật pháp, thời nhà Lý luật pháp Đại Việt hầu như dựa chủ yếu vào các chiếu vua ban, tuy nhiên có một bộ luật có thể coi như tổng hợp của luật dân sự, luật hình sự, luật tố tụng hình sự và luật hôn nhân gia đình được gọi là Bộ Hình Thư. Bộ Luật này đã bị thất truyền khi nhà Minh xâm chiếm và đốt hủy văn hóa Đại Việt.

Về phương diện quân sự tổ chức quân đội cũng được chấn chỉnh và gồm hai bộ phận là cấm quân và quân địa phương. Cấm quân là quân tuyển chọn từ những thanh niên khỏe mạnh trong cả nước, có nhiệm vụ bảo vệ vua và kinh thành. Quân địa phương là quân tuyển chọn trong số thanh niên trai tráng ở các làng xã đến tuổi thành đinh (18 tuổi), và có nhiệm vụ canh phòng các lộ, phủ. Nhà Lý thi hành chính sách “ngụ binh ư nông” (gửi binh ở nhà nông), là cho quân sĩ luân phiên về cày ruộng. Thanh niên đăng ký vào sổ bộ đinh nhưng vẫn ở nhà sản xuất, khi cần triều đình sẽ điều động. Quân đội nhà Lý có bộ binh và thủy binh, kỷ luật nghiêm minh, được huấn luyện chu đáo; vũ khí trang bị cho quân đội gồm giáo mác, đao kiếm, cung nỏ, máy bắn đá...

Về thương mại vào năm 1042 vua Lý Thái Tông cho đúc tiền Minh Đạo để làm dễ dàng cho việc trao đổi hàng hóa thông qua tiền tệ. Từ giữa thế kỷ 12 đã có mầm mống của ngoại thương ngoài việc trao đổi hàng hóa với các nước có chung biên giới. Sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư cho biết từ năm 1149 các thuyền buôn của các xứ như Java, Sumatra và Xiêm La đã đến xin cư trú buôn bán ở khu Hải Đông, Vân Đồn thuộc tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Nhà Lý dưới ba đời vua đầu tiên là vua Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông đã kế tục nhau tạo được nhiều thành đạt, từ việc sửa đổi canh tân nền nếp cai trị, đánh dẹp các loạn lạc trong nước tới việc điều võ với phương bắc, ra uy với phương nam. Điều đó cho thấy một chính sách, tư tưởng nhất quán của các vua Lý đã xác lập được một bộ máy công quyền phong kiến qui củ, nề nếp, đưa đất nước vào thời kỳ phát triển ổn định. Cả ba vị vua đầu tiên này của nhà Lý đều có tài văn võ kiêm toàn, kính Phật yêu dân, tuổi thọ cũng xấp xỉ nhau. Chánh họ là những người đặt nền tảng vững chắc cho một nhà Lý tồn tại bền vững được 216 năm qua 9 đời vua.

CƠ CẤU CÔNG QUYỀN THỜI NHÀ TRẦN (1225-1400)

Triều đại nhà Trần bắt đầu khi vua Trần Thái Tông lên ngôi vào năm 1225 sau khi Trần Thủ Độ dành được quyền lực từ tay nhà Lý. Cơ cấu công quyền thời Trần hoàn thiện hơn so với thời Lý. Bộ máy hành chính được củng cố theo hướng tăng tính tập quyền quan liêu. Các quan được cấp lương bổng theo ngạch, bậc; cứ 10 năm thăng tước một cấp, 15 năm thăng tước một bậc. Nền hành chính ở cấp trung ương đứng đầu là Trung khu. Chức cao nhất ở Trung khu là các chức quan hàng tướng quốc và tam thái là Thái sư, Thái phó, và Thái bảo. Tiếp đến là các chức quan hàng tam thiếu là Thiếu sư, Thiếu phó, và Thiếu bảo. Sau đó đến tam tư là Tư đồ, Tư mã, và Tư không.

Giúp việc cho các quan đứng đầu Trung khu là các ban hành khiển và khu mật viện. Hành khiển lại chia làm Tả hành khiển đóng ở Thăng Long và Hữu hành khiển đóng ở hành cung Tức Mặc. Ban hành khiển sau được đổi tên thành Môn hạ sảnh. Ngoài ra còn có 6 Thượng thư sảnh tương đương với lục bộ, quản lý các công việc hành chính, tổ chức, ngoại giao, tín ngưỡng, tài chính ngân sách, quân sự, và luật pháp. Đứng đầu Thượng thư sảnh là chức Thượng thư hành khiển và Thượng thư hữu bật. Dưới các chức này là chức Thị lang, Lang trung. Bên cạnh 6 Thượng thư sảnh là Hàn lâm viện phụ trách các công việc văn phòng của triều đình. Người của Hàn lâm viện gọi là Học sĩ với nhiều cấp khác nhau. Các ban, ngành khác là Ngự sử đài, Đăng văn kiểm soát viện là các cơ quan thanh tra, giám sát. Ngoài ra, còn có Quốc sử viện phụ trách công việc biên soạn quốc sử, có Quốc tử viện là nơi giáo dục các vương tử nhà Trần, và Thái y viện chăm sóc sức khỏe cho hoàng tộc.

Ở cấp địa phương các đơn vị hành chính được gọi là lộ, phủ, trấn tùy theo vùng địa dư. Cả nước Đại Việt được chia ra thành 12 lộ thay vì 24 lộ như ở thời Lý, 4 phủ và 8 trấn. Đứng đầu chánh quyền lộ, phủ là các chức An phủ chánh sứ và phó sứ, Thông phán, Trấn phủ, Tri phủ. Bộ máy chánh quyền của lộ, phủ lại chia ra làm các bộ phận hà đê (trông coi đê điều), thủy lộ đê hình (trông coi giao thông đường thủy), liêm phóng (thanh tra, giám sát), và khuyến nông. Ngoài ra, mỗi lộ còn có thêm chức Dân tịch để kiểm soát dân số trong lộ. Dân chúng trong nước được chia ra làm 3 hạng: hạng tiểu hoàng nam (từ 18 tuổi đến 20 tuổi), hạng đại hoàng nam (từ 20 tuổi đến 60 tuổi) và hạng lão (trên 60 tuổi). Để tránh nạn ngập lụt, vua Trần Thái Tông đặc cử một chức quan đặc trách trông coi việc đê điều được gọi là Hà đê sứ. Mỗi năm sau vụ mùa, triều đình còn ra lệnh cho quân sĩ đắp đê hay đào lạch, hào, giúp đỡ dân chúng.

Dưới lộ, phủ là cấp huyện (nếu ở đồng bằng), châu (nếu ở miền núi).. Đứng đầu huyện là các chức Tri huyện, Lệnh úy, Chủ bạ. Đứng đầu các châu là các chức Chuyển vận sứ, Thông phán. Dưới châu, huyện là cấp giáp, từ thời Trần Nhân Tông thì gọi là hương. Cùng cấp hương, nhưng ở miền núi gọi là sách và động, ở kinh đô Thăng Long thì gọi là phường. Lúc đầu, phường, hương, sách, động là cấp thấp nhất. Một hương gồm nhiều làng, thôn. Nhưng làng và thôn không phải là cấp hành chính chánh thức. Cuối thế kỷ 14 có thêm cấp xã dưới cùng và do các Xã quan gọi là Đại tư xã, Tiểu tư xã cai quản.

Về mặt thuế má, có 2 loại thuế được thiết lập là thuế thân và thuế điền. Thuế thân được đóng bằng tiền và ít nhiều tùy theo số ruộng có. Ai có dưới một mẫu ruộng thì được miễn thuế. Thuế điền thì đóng bằng thóc. Ngoài ra còn có thuế trâu cau, rau quả, tôm cá v.v. Về mặt tiền tệ, để tiện việc tiêu dùng - vàng, bạc được đúc thành phân, lượng và có in huy hiệu của nhà vua.

Về phương diện giáo dục ngoài Quốc tử giám đã có tại kinh đô từ đời nhà Lý, nhà Trần còn cho lập thêm Quốc học viện để giảng Tứ Thư và Ngũ Kinh. Tại các lộ cũng cho mở trường học để dạy cho dân chúng. Với việc giảng dạy Tứ Thư và Ngũ Kinh cho thấy Nho học dưới thời nhà Trần đã dành được địa vị quan yếu trong giáo dục. Giống như triều đại nhà Lý, các vua nhà Trần cũng cho mở các khoa thi để tuyển dụng người tài ra giúp nước. Năm 1232, vua Trần Thái Tông cho mở khoa thi Thái học sinh để lấy Tiến sĩ theo định kỳ cứ 7 năm một lần. Năm 1247, nhà vua lại cho đặt thêm khoa thi Tam khôi để lấy Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa. Đặc biệt dưới thời nhà Trần văn thơ bằng chữ Nôm bắt đầu được phát triển song song với văn thơ chữ Hán.

Về phương luật pháp vua Trần Thái Tông đã cho tu chỉnh luật pháp rất nghiêm minh như vào năm 1230 nhà vua cho khảo sát lại các luật lệ của triều trước, soạn thành Quốc triều thống chế và sửa đổi hình luật, lễ nghi, tổng cộng gồm 20 quyển. Nhà vua cũng cho đặt thêm ty Bình bạc là cơ quan hành chính và tư pháp ở kinh đô Thăng Long đứng đầu là một quan Kinh doãn, chuyên xét đoán việc kiện tụng ở kinh thành. Đến năm 1265 chức quan này được gọi Đại an phủ sứ, sau lại đổi thành Kinh sư đại doãn.

Về tổ chức quân đội, quân chủ lực của nhà Trần gồm cấm quân và quân tại các lộ. Quân tại các lộ ở đồng bằng gọi là chánh binh, ở miền núi gọi là phiên binh. Cấm quân ở kinh đô được gọi là quân túc vệ. Cấm quân là lực lượng nòng cốt trong chiến tranh chống ngoại xâm, có thể được điều động đi các lộ để tác chiến khi cần. Quân đội được chia ra làm nhiều quân. Đứng đầu mỗi quân là một Đại tướng quân. Mỗi quân có 30 đô, chỉ huy mỗi đô có Chánh phó đại đội. Mỗi đô có 5 ngũ, đứng đầu mỗi ngũ là Đầu ngũ. Nhằm có lực lượng đông đảo cần thiết khi có ngoại xâm, nhà Trần kế tục chính sách ngụ binh ư nông (giữ quân lính ở nhà nông) của nhà Lý, vừa đảm bảo số quân cần thiết phòng khi có chiến tranh xảy tới. Quân cấm vệ và quân tại các lộ có khoảng 10 vạn người.

Về tôn giáo, vào đầu đời nhà Trần thì Phật giáo còn thịnh. Các nhà vua đều sùng đạo cho xây chùa, đúc chuông, tạc tượng để phụng thờ khắp nơi. Vua Trần Nhân Tông còn sai sứ sang Trung Hoa để thỉnh kinh về truyền bá đạo Phật, và ông chính là ông tổ đầu tiên của thiền phái Trúc Lâm. Nhưng đến cuối triều đại nhà Trần, Phật giáo trong dân gian bị pha thêm các hình thức mê tín bùa chú nên ngày càng suy vi. Ảnh hưởng của Phật giáo do đó phải nhường chỗ cho Nho giáo và Lão giáo.

Nhà Trần đã có một thời đại rất hưng thịnh, đã từng đại phá quân Nguyên cũng như bình phục được Chiêm Thành, nhưng kể từ khi Thái thượng hoàng Trần Minh Tông qua đời vào năm 1357, các vua kế vị ham mê tử sắc, không lo việc triều chính nên các gian thần kéo bè kết đảng và trở nên lộng hành dẫn đến việc Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần vào năm 1400 chấm dứt thời đại nhà Trần với thời gian trị vì tổng cộng được 175 năm.

CƠ CẤU CÔNG QUYỀN THỜI NHÀ HỒ (1400 - 1407)

Sau khi cướp ngôi của cháu ngoại, Hồ Quý Ly lên ngôi vua đổi quốc hiệu là Đại Ngu và chọn Tây Đô thuộc Thanh Hóa làm kinh đô. Lên ngôi vua chưa được một năm thì Hồ Quý Ly theo cách nhà Trần nhường ngôi cho con thứ là Hồ Hán Thương để làm Thái Thượng hoàng nhưng vẫn tự mình quyết đoán mọi công việc triều chính.

Sau mấy chục năm làm đại thần trong triều nhà Trần ông đã thấy được nhiều việc cần phải thay đổi nên khi lên làm vua ông cho áp dụng ngay nhiều sự cải cách. Chuyện cải cách đầu tiên của ông đã được áp dụng khi ông còn là Phụ chánh đại thần của triều Trần là vào năm 1396, Hồ Quý Ly phát hành tiền giấy để dùng trong việc trao đổi thương mại. Đây là lần đầu trong chính sử Việt Nam, tiền giấy được lưu thông. Việc cải cách tiếp theo là vào năm 1403, ông ban hành các vật dụng đo lường như cân, thước, đấu, thung để làm chuẩn trong việc buôn bán. Chuyện cải cách đặc biệt nhất là vào năm 1404, Hồ Quý Ly qua Hồ Hán Thương quy định các người đỗ thi Hương phải qua kỳ thi làm toán pháp mới được tiếp tục thi Hội. Đây là một việc làm rất mới mẻ trong một xã hội vẫn còn nặng tinh thần học từ chương.

Về mặt quân sự trước sự lấn le xâm lược của nhà Minh, Hồ Quý Ly tích cực chấn chỉnh quân đội, xây thành, đóng chiến thuyền...v.v... Để có nhiều quân, Hồ Quý Ly lập ra hộ tịch bắt mọi người cứ 2 tuổi trở lên phải khai báo và ghi vào bộ hộ tịch. Hộ tịch làm xong, số người từ 15 tuổi đến 60 hơn gấp mấy lần trước. Quân số nhờ vậy tăng thêm rất nhiều. Hồ Quý Ly đặc biệt chú trọng luyện tập thủy binh để giữ mặt sông mặt biển. Ông cho đóng những con thuyền lớn bên trên lát ván để đi lại dễ dàng, khoang dưới cho người chèo chống rất lợi hại. Ở các cửa biển và những nơi hiểm yếu trên các sông lớn, ông cho đóng cọc, hình thành những trận địa mai phục quy mô. Về tổ chức quân đội, Hồ Quý Ly phân chia Nam Bắc gồm 12 vệ, Đông Tây phân ra 8 vệ. Mỗi vệ có 18 đội, mỗi đội có 18 người. Đại quân có 30 đội, trung quân 20 đội. Mỗi doanh có 15 đội, mỗi đoàn có 10 đội. Ngoài ra còn 5 đội cấm vệ quân. Tất cả do một Đại tướng thống lãnh.

Về mặt văn hóa xã hội ông là vị vua Việt Nam đầu tiên quyết định dùng chữ Nôm để chấn hưng nền văn hóa dân tộc, cho dịch các kinh, thư, thi từ chữ Hán sang chữ Nôm. Chánh ông đã biên tập thiên "Vô dật" và soạn ra 14 thiên Minh đạo để dạy cho con cái nhà quan. Về mặt xã hội, ông thiết lập sở Quản tế giống như ty y tế ngày nay để lo chăm sóc sức khỏe của người dân. Ở các lộ, ông cũng cho lập một kho lúa gọi là Thường bình, lấy công quỹ mua lúa trữ vào, phòng những năm mất mùa đem bán rẻ cho dân chúng. Ông thực thi chính sách phân phối ruộng đất, quy định trong nước chỉ trừ đại vương và trưởng công chúa, còn không người nào được phép có quá 10 mẫu ruộng. Số ruộng thừa phải nộp lại cho Nhà nước. Ông còn hạn chế số nô tỳ trong các nhà quyền quý, các gia đình phải tùy theo thứ bậc mà nuôi tối thiểu hay ít, không được quá số quy định.

Nói chung, những cải cách của Hồ Quý Ly nhằm mục đích xây dựng một nước Đại Ngu cường thịnh. Tuy nhiên, tư tưởng đổi mới của Hồ Quý Ly và những cải cách của ông thực hiện quá dồn dập trong một thời gian ngắn nên không đạt kết quả như mong đợi và gây ra sự phản nộ trong dân chúng; đặc biệt là với các sĩ phu còn trung thành với nhà Trần.

Hồ Quý Ly là vị vua tài giỏi, trong một thời gian ngắn chỉ có 7 năm mà ông đã thực hiện được nhiều cải cách quan trọng, nhưng ông đã thất bại không huy động được sự hợp sức của toàn dân chống lại cuộc xâm lăng của nhà Minh nên sự nghiệp của ông đã bị chấm dứt tức tưởi khi bị quân Tàu bắt và dân Việt lại bị nước Tàu đô hộ hơn 20 năm cho đến khi Lê Lợi khởi nghĩa thành công.

CƠ CẤU CÔNG QUYỀN THỜI NHÀ HẬU LÊ (1428-1789)

Sau hơn 20 năm khởi nghĩa thắng lợi chống lại sự đô hộ của quân nhà Minh, Lê Lợi lên ngôi vua lấy hiệu là Lê Thái Tổ và nhanh chóng bắt tay vào xây dựng đất nước bị tàn phá qua nhiều năm chiến tranh. Tiếp theo sang thời Lê Thánh Tông, vua lại tiến hành một loạt cải cách bộ máy công quyền nhằm tập trung quyền lực vào tay hoàng đế và kiểm soát chặt chẽ cấp địa phương. Bộ máy công quyền thời Lê Thánh Tông là bộ máy quân chủ chuyên chế quan liêu được tổ chức khá chặt chẽ và hoàn chỉnh giúp đưa nước Đại Việt bước vào thời kỳ phát triển thịnh trị được coi là hoàng kim của chế độ phong kiến Việt Nam.

Bộ máy chánh quyền thời Lê Thái Tổ cơ bản theo mô hình thời Trần nhưng đến đời vua Lê Thánh Tông để tập trung quyền lực vua trực tiếp nắm mọi quyền hành kể cả chức tổng chỉ huy quân đội. Giúp việc trực tiếp cho hoàng đế là Trung khu gồm các quan tả, hữu tướng quốc, tam thái (Thái sư, Thái úy, Thái bảo), tam thiếu (Thiếu sư, Thiếu úy, Thiếu bảo), và tam tư (Tư mã, Tư không, Tư khấu). Dưới Trung khu là hai ban văn, võ. Đứng đầu ban văn là quan Đại hành khiển. Các bộ, ngành thuộc văn ban là bộ Lại, bộ Lễ, Khu mật viện, Hàn lâm viện, Ngũ hình viện, Ngự sử đài, Quốc tử giám, Quốc sử viện, Nội thị sảnh, và các cơ quan khác gọi là quán, cục, hay ty. Đứng đầu các bộ là Thượng thư quan. Đứng đầu ban võ là Đại tổng quản. Tiếp đến là các chức Đại đô đốc, Đô tổng quản, Tổng quản, Tổng binh, Tư mã. Ban võ gồm 6 quân điện tiền và 5 quân thiết đột. Thời gian làm việc của các quan được qui định tối đa đến tuổi 65 và luật cha truyền con nối cho các gia đình công thần bị bãi bỏ.

Để giúp việc cho vua ngoài các quan đại thần còn có các bộ. Dưới đời vua Lê Thái Tổ chỉ có 3 bộ là bộ Lại, bộ Lễ, và bộ Dân (tức bộ Hộ) nhưng đến năm 1466, vua Lê Thánh Tông tổ chức lại thành sáu bộ là:

- **Lại Bộ:** Trông coi việc tuyển bổ, thăng thưởng và thăng quan tước;
- **Lễ Bộ:** Trông coi việc đặt và tiến hành các nghi lễ, tiệc yến, học hành thi cử, đúc ấn tín, cất giữ người coi giữ đình, chùa, miếu mạo;
- **Hộ Bộ:** Trông coi công việc ruộng đất, tài chính, hộ khẩu, tô thuế kho tàng, thóc tiền và lương, bổng của quan, binh;
- **Binh Bộ:** Trông coi việc binh chính, đặt quan trấn thủ nơi biên cảnh, tổ chức việc giữ gìn các nơi hiểm yếu và ứng phó các việc khẩn cấp;
- **Hình Bộ:** Trông coi việc thi hành luật, lệnh, hành pháp, xét lại các việc tù, đày, kiện cáo;
- **Công bộ:** Trông coi việc xây dựng, sửa chữa cầu đường, cung điện thành trì và quản đốc thợ thuyền.

Mỗi bộ ngoài 1 quan Thượng thư đứng đầu còn có 2 Tả bộ thị lang và một cơ quan thường trực là Vụ tư sảnh phụ tá. Để giám sát công việc của Lục bộ là Lục khoa tương ứng, gồm Lại khoa, Lễ khoa, Hộ khoa, Binh khoa, Hình khoa, Công khoa. Đứng đầu các khoa là Đô cấp sự trung và Cấp sự trung. Giúp việc cho Lục bộ là Lục tự gồm có:

- **Đại lý tự:** cơ quan phụ trách hình án. Xét xong án chuyển sang Bộ Hình để tâu lên vua quyết định
- **Thái thường tự:** cơ quan phụ trách lễ nghi, âm nhạc cung đình

- Quang lộc tự: phụ trách hậu cần đồ lễ trong các buổi lễ của triều đình
- Thái bộc tự: cơ quan phụ trách xe ngựa của vua và coi sóc chuồng ngựa của vua
- Hồng lô tự: Tổ chức việc xướng danh những người đỗ trong kỳ thi đình; lo an táng đại thần qua đời và tiếp đón các ông hoàng ngoại quốc
- Thương bảo tự: Cơ quan coi việc đóng ấn vào quyển thi của các thí sinh thi Hội

Ngoài ra, vua Lê Thánh Tông còn tổ chức thêm một số cơ quan chuyên môn không lệ thuộc vào 6 Bộ, bao gồm:

- Thông chính ty: cơ quan phụ trách chuyên đạt giấy tờ của triều đình xuống và nhận đơn từ của nhân dân tâu lên vua. Đứng đầu là Thông chính sứ, trật Tông tứ phẩm.
- Quốc tử giám: cơ quan giáo dục cao nhất trong cả nước. Đây là trường đại học của triều đình có nhiệm vụ đào tạo nhân tài cho quốc gia. Đứng đầu là Tế tửu, trật chánh tứ phẩm.
- Quốc sử viện: cơ quan chép sử của triều đình. Nhà vua nói gì, làm gì, sử quan đều phải ghi chép cẩn thận và trung thực. Đứng đầu là Quốc sử viện Tu soạn, trật chánh bát phẩm
- Khuyến nông: cơ quan coi việc nông nghiệp.
- Hà đê xứ: cơ quan trông nom về thủy lợi

Tại cấp địa phương vua Lê Thái Tổ chia nước ra làm 5 đạo, dưới đạo là trấn, dưới trấn là lộ, dưới lộ là huyện (miền núi gọi là châu) và cấp cơ sở là xã. Xã được phân biệt làm đại xã, trung xã và tiểu xã tùy theo số dân. Đứng đầu chánh quyền các đạo là chức Hành khiển (phụ trách cả dân sự lẫn quân sự). Đứng đầu các trấn là các An phủ sứ, các lộ là Tuyên phủ sứ, các châu, huyện là Tri châu hay Tri huyện, các xã là xã quan, từ thời Lê Thánh Tông đổi thành xã trưởng. Đến năm 1466 vua Lê Thánh Tông chia cả nước lại thành 1 phủ và 12 đạo thừa tuyên (về sau gọi là xứ). Bộ máy chánh quyền của mỗi đạo thừa tuyên gồm 3 ty: Đô tổng binh sứ ty (phụ trách quân sự), Thừa tuyên ty (phụ trách các việc dân sự), Hiến sát ty (phụ trách các việc thanh tra, giám sát).

Về giáo dục ngay sau khi lên ngôi vua Lê Thái Tổ cho dựng lại Quốc tử giám ở kinh thành Thăng Long, mở trường học tại các lộ, mở các khoa thi và cho phép người nào có học đều được dự thi. Đa số người dân đều có thể đi học và dự thi trừ những kẻ phạm tội và làm nghề ca hát. Ở các đạo, trấn cũng có trường công. Nhà nước tuyển chọn người giỏi có đạo đức để làm thầy giáo. Nội dung học tập thi cử là sách của nhà Nho. Học chế thời Lê mở rộng hơn, cho phép con em nhà thường dân cũng được đi học. Tài liệu học tập thì gồm mấy bộ Tứ Thư, Ngũ Kinh, và sử Trung Quốc. Vua Lê Thánh Tông khởi xướng và cho lập bia tiến sĩ lần đầu tiên ở Văn Miếu - Quốc tử giám vào năm 1484, các đời vua sau này tiếp tục bổ sung thêm các tấm bia vinh danh mới. Ngoài Hàn lâm viện, Quốc sử viện, nhà Thái học, Quốc tử giám là những cơ quan văn hóa, giáo dục lớn, vua Lê Thánh Tông còn cho xây kho bí thư chứa sách, đặc biệt đã sáng lập Hội Tao Đàn bao gồm những nhà văn hóa có tiếng đương thời mà vua Lê Thánh Tông là Tao Đàn chủ soái.

Về luật pháp, Bộ Quốc triều hình luật của nhà Hậu Lê đã được hoàn thiện trong thời Lê Thánh Tông, nên còn được gọi là Luật Hồng Đức. Với bộ luật này, Đại Việt đã hình thành một nhà nước pháp quyền sơ khởi và thuộc loại sớm trên thế giới. Lê Thánh Tông đã

lấy những quan điểm của Nho giáo làm hệ tư tưởng, chỉ đạo việc biên soạn, ban hành luật pháp, nhằm thể chế hoá một nhà nước phong kiến Đại Việt, với truyền thống nhân nghĩa, lấy dân làm gốc. Nội dung chính của bộ luật là bảo vệ quyền lợi của vua và hoàng tộc; bảo vệ quyền lợi của quan lại và giai cấp thống trị cùng địa chủ phong kiến. Đặc biệt bộ luật có những điều luật bảo vệ chủ quyền quốc gia, khuyến khích phát triển kinh tế, gìn giữ những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, bảo vệ một số quyền lợi của phụ nữ.

Về tổ chức quân đội vua Lê Thánh Tông ra sắc chỉ đầu tiên là chinh đốn lại quân đội, đôn đốc và thực hiện các bước để tăng cường các khả năng chiến đấu của các vệ quân. Việc canh phòng và cảnh giác về vấn đề biên cương rất chặt chẽ và cẩn thận. Vua Lê Thánh Tông cải tổ quân đội mạnh mẽ về mặt tổ chức, trước đó quân đội chia làm 5 đạo vệ quân, nay đổi làm 5 phủ đô đốc. Mỗi phủ có vệ, sở. Bên cạnh còn có 2 đạo nội, ngoại, gồm nhiều ty, vệ. Quân đội có hai bộ phận chính là quân ở triều đình và quân ở các địa phương; bao gồm bộ binh, thủy binh, tượng binh, và kỵ binh. Vũ khí quân sự dưới thời vua Lê Thánh Tông đã có những tiến bộ vượt bậc gồm đao, kiếm, giáo, mác, cung, tên, hỏa đồng, hỏa pháo. Hằng năm quân lính được luyện tập võ nghệ chiến trận. Ở các vùng biên giới đều có bố trí quân đội mạnh canh phòng và bảo vệ không để bị xâm lấn. Ngoài tổ chức quân thường trực, Lê Thánh Tông còn chú ý lực lượng quân dự bị ở các địa phương gọi là chế độ "ngụ binh ư nông" như dưới thời nhà Lý, nhà Trần. Ngoài ra vua Lê Thánh Tông còn cho ban hành 43 điều quân chính là luật của quân đội, cho thấy kỷ luật quân đội dưới thời vua Lê Thánh Tông rất nghiêm ngặt, nên quân đội có sức chiến đấu cao.

Về phương diện kinh tế, các vua nhà Lê còn quan tâm các chính sách nhằm phát triển kinh tế như sửa đổi luật thuế khóa, điền địa, khuyến khích nông nghiệp, mở đồn điền. Để nhanh chóng phục hồi và phát triển nông nghiệp sau mấy mươi năm loạn lạc vua Lê Thái Tổ cho 25 vạn lính trong tổng số 35 vạn về quê làm ruộng ngay sau chiến tranh. Còn lại 10 vạn người được chia làm 5 phiên thay nhau về quê sản xuất. Nhà Lê kêu gọi dân phiêu tán về quê làm ruộng, đặt ra một số chức quan chuyên lo về nông nghiệp như Khuyến nông sứ, Hà đê sứ, Đồn điền sứ và định lại chính sách chia ruộng đất công ở làng xã gọi là phép quân điền; cấm giết trâu bò bừa bãi, cấm điều động dân phu trong mùa cấy gặt. Nhà Lê còn đẩy mạnh việc lập đồn điền và khẩn hoang nhằm khai thác những vùng đất mới. Nhờ những chính sách tích cực, nông nghiệp đã đảm bảo tương đối đời sống người dân trong nước.

Các ngành nghề thủ công nghiệp và xây dựng dưới thời trị vì của vua Lê Thánh Tông cũng phát triển khá mạnh. Các nghề thủ công như: dệt lụa,繻 tơ, dệt vải, nghề mộc, nghề chạm, nghề đúc đồng cũng phát triển. Kinh đô Thăng Long 36 phố phường sầm uất, nhộn nhịp tồn tại đến tận ngày nay. Các công xưởng do nhà nước quản lý gọi là Cục Bách tác sản xuất đồ dùng cho nhà vua, vũ khí, đóng thuyền, đúc tiền đồng...; các nghề khai mỏ đồng, sắt, vàng cũng được đẩy mạnh.

Về thương mại để khuyến khích việc lập chợ mới và họp chợ vua ban hành những điều luật cụ thể quy định việc thành lập chợ và họp chợ. Việc buôn bán với nước ngoài được duy trì. Thuyền bè các nước láng giềng qua lại buôn bán ở một số cửa khẩu như Vân Đồn, Vạn Ninh (Quảng Ninh), Hội Thống (Hà Tĩnh) và một số địa điểm ở Lạng Sơn, Tuyên

Quang được kiểm soát chặt chẽ. Các sản phẩm sành sứ, vải lụa, lâm sản quý là những thứ hàng được thương nhân nước ngoài ưa chuộng.

Sau khi vua Lê Thánh Tông qua đời các triều đại nhà Lê kế tục không có gì xuất sắc nhưng nhờ có bộ máy công quyền vững chắc tạo dựng nên bởi các tiên vương trước đó nên nhà Hậu Lê được tồn tại trong một thời gian dài. Các vị vua sau cùng hoặc vì thiếu khả năng hoặc vì ăn chơi sa đọa nên bên trong triều các tướng chia bè cánh đánh nhau đưa đến tình trạng họ Mạc lộng quyền chiếm Thăng Long và xưng vương vào năm 1527. Họ Trịnh bèn đem vua Lê chạy về nam và giữ vùng đất từ Thanh Hóa trở vào tạo ra tình trạng Nam triều và Bắc triều. Cuối cùng đến năm 1592 họ Mạc bị quân Trịnh đánh bại và Chúa Trịnh từ đó hoàn toàn khống chế các vua Lê. Khí thế đấu tranh Nam-Bắc triều giữa hai họ Mạc và Trịnh chưa chấm dứt hẳn thì khí thế nam bắc khác lại hình thành giữa họ Trịnh và Nguyễn. Dưới danh nghĩa phù Lê họ Trịnh khống chế các vua Lê và phế bỏ tùy tiện. Cũng dưới danh nghĩa đó họ Nguyễn rút về phương Nam lo xây dựng và phát triển cơ đồ để chống Trịnh. Các vua Lê vẫn có ngôi, có hiệu, có tên trong sử sách, nhưng chỉ còn hư vị ngôi làm vì.

Hai họ Trịnh-Nguyễn đã đánh nhau gần 100 năm và nước Đại Việt trong giai đoạn này bị chia làm hai vùng lãnh thổ là Đàng Ngoài và Đàng Trong. Ở Đàng Ngoài chánh quyền chúa Trịnh đã chia lãnh thổ ra làm nhiều Trấn và Phiên trấn. Trấn để gọi vùng đồng bằng và Phiên trấn để chỉ vùng miền núi. Vùng đồng bằng có 7 Trấn và một Trung đô là kinh đô của triều đình tức Hà Nội ngày nay. Ở miền núi có 5 Phiên trấn.

Ở Đàng Trong, chính quyền chúa Nguyễn ban đầu quản lý vùng Thuận Hoá-Quảng Nam, về sau từng bước mở rộng thêm lãnh thổ nên phân cấp hành chánh cũng thay đổi theo. Tới năm 1757 lãnh thổ phía nam đã định hình và Đàng Trong được phân chia thành 12 Dinh và 1 Trấn (Hà Tiên trấn) trực thuộc chính quyền trung ương. Dưới Dinh, Trấn là các đơn vị hành chính nhỏ hơn như Phủ, Huyện.

Sự phân tranh giữa hai họ Trịnh Nguyễn dần co chụm về sau lại thêm anh em nhà Tây Sơn nổi lên ở Bình Định và cũng giương cờ “Phù Lê diệt Trịnh” nhưng tất cả đều sẵn sàng tiêu diệt lẫn nhau. Và cuối cùng Nguyễn Huệ đã tiêu diệt được hai họ Trịnh-Nguyễn và cả vua Lê, chánh thức chấm dứt nhà Hậu Lê trước sau tồn tại 360 năm, triều đại phong kiến dài nhất lịch sử Việt Nam.

CƠ CẤU CÔNG QUYỀN THỜI NHÀ NGUYỄN TÂY SƠN (1789-1801)

Sau khi dẹp được hai họ Trịnh-Nguyễn rồi đánh tan quân Thanh do Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu cầu viện Nguyễn Huệ lên ngôi vua vào năm 1789 với triều hiệu là Quang Trung hoàng đế. Sau khi lên ngôi vua Quang Trung liền lo sửa sang việc nước. Về hành chánh vua Quang Trung đã nhờ La Sơn Phu Tử chọn đất để lập kinh đô. Sau khi ngắm địa thế nhiều nơi cuối cùng nhà vua chọn vùng núi Phượng Hoàng thuộc tỉnh Nghệ An vì có địa thế hùng hiểm, phía nam có sông Cồn Mộc và Sông Lam, phía đông bắc có núi Phượng Hoàng. đều là những hào và thành thiên nhiên che chở cho kinh thành. Trong khi chờ kinh đô mới xây xong, vua Quang Trung đóng đô ở Phú Xuân. Tại triều đình vua Quang Trung cho lập các phẩm trật tam công là Thái Sư, Thái phó, Thái bảo; và tam cô là Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo. Ngoài ra, còn có các chức quan như Đại chũng tể, Đại tư đồ, Đại tư

mã, Đại tư không; Đại đô đốc, Đại đô hộ, Trung thư sảnh, Trung thư lệnh, Lục bộ Thượng thư... Thị lang, Tư vụ.. Mỗi chức lo một phần vụ trong triều.

Về tổ chức hành chính địa phương. vua Quang Trung theo cách phân cấp của nhà Lê chia nước làm 13 trấn. Trấn chia làm nhiều phủ; Phủ chia làm nhiều huyện; Huyện chia làm nhiều tổng; Tổng chia làm nhiều xã; Xã chia làm nhiều thôn. Trấn thì có Trấn Thủ (võ) và Hiệp Trấn (Văn) điều khiển. Phủ, huyện thì có Tri phủ, Tri huyện cùng chức Phân tri coi việc kiện cáo, chức Phân xuất coi việc binh lương. Tổng thì có Chánh tổng, Phó tổng. Xã thôn thì có Xã trưởng, Thôn trưởng.

Về quân sự, vua Quang Trung cũng theo các triều trước tổ chức quân đội gồm có 5 quân là Trung, Tiền, Tả, Hữu, Hậu. nhưng tổ chức thêm những đội quân đặc biệt, gọi là Tả Bật, Hữu Bật, Ngũ Chế, Càn Thanh, Thiên Cán, Thiên Trường, Hồ Đôn, Hồ Hầu, Thị Lân, Thị Loan. Mỗi quân gồm 5 bậc là Sư, Lữ, Tốt, Lương, Ngũ. Ở các phủ, huyện, quân đội lại chia ra từng đạo, cơ và đội. Đạo chỉ huy cơ, cơ chỉ huy đội. Tất cả đều ở dưới quyền thống lãnh của một viên quan võ. Để có một quân đội hùng mạnh vua Quang Trung dùng chính sách cưỡng bách tòng quân. Để tiện việc kiểm soát trong khi bắt lính, nhà vua đặt ra tín bài. Tín bài là một chiếc thẻ, một phía thì ghi tánh danh, quân chi và dấu lấn tay hay chữ ký của chủ nhân chiếc thẻ, một phía có đóng dấu ấn có bốn chữ Quốc gia đại tín. Người nào không có tín bài thì bị bắt sung vào phòng dịch. Nhà vua còn đặt ra hộ tịch, chia dân ra làm bốn hạng: từ 9 đến 17 tuổi gọi là Vị Cập cách hạng; từ 18 đến 55 tuổi gọi là Tráng hạng; từ 56 đến 60 tuổi gọi là Lão hạng; từ 61 tuổi trở lên gọi là Lão nhiều. Bốn hạng người đó phải ghi tên vào hộ tịch. Những người từ 18 đến 55 tuổi phải đi lính. Nhưng không phải tất cả những người trong tuổi ấy đều phải đi lính. Những gia đình độc đinh thì được miễn. Trong gia đình đông con thì cứ ba tráng đinh phải đi nhập ngũ một người. Những khi cần thiết lắm mới phải nhập ngũ hai người.

Để mở mang nền kinh tế đặt trên cơ sở nông nghiệp nhà vua cho đưa những người nghèo khổ ở những nơi dân đông đúc tới những vùng đất hoang để cày cấy làm ăn. Chính quyền địa phương phải giúp đỡ mọi phương tiện. Để có thể nắm vững tình hình, nhà vua buộc các Tổng lý phải làm sổ điền kê khai đầy đủ những ruộng đất canh tác và ruộng đất bỏ hoang. Những ruộng đất bỏ hoang trong thời gian một năm mà không được khai thác trở lại thì các nhà chức trách địa phương phải bị tội. Nhờ vậy mà tránh được sự chênh lệch về mặt kinh tế cũng như về mặt mật độ dân cư từng địa phương.

Về phương diện tài chính vua Quang Trung cho đúc tiền mang danh hiệu Quang Trung thay thế cho tiền Cảnh Hưng. Về phương diện thuế khóa vua Quang Trung bãi bỏ thứ thuế sưu dịch có từ thời Trịnh-Nguyễn. Những khi trong nước hay địa phương cần dùng nhân công thì mọi người đều phải góp phần, giàu cũng như nghèo, trừ những bậc lão nhiều, lão hạng, không ai được miễn. Những người nào không tự mình thi hành nhiệm vụ được thì bỏ tiền ra thuê người thay thế chứ không được đem nộp cho các nhà chức trách. Thuế ruộng đất công tư đều phải xét lại rồi mới phân hạng theo mức sản xuất hàng năm, và chia làm ba hạng. Thuế nộp bằng lúa nhưng cũng có thể nộp bằng tiền tính theo thời giá.

Việc học cũng được tổ chức khắp mọi nơi, từ xã đến phủ huyện. Ban Giảng huấn ở xã giao cho những người học hạnh kiêm toàn ở địa phương hoặc mời ở các địa phương khác. Xã học do chánh quyền địa phương tổ chức. Tư nhân vẫn có quyền rước thầy về dạy

con em trong nhà trong làng. Học sinh ở các trường tư vẫn được coi như học sinh trường công. Các trường phủ trường huyện thì có Đốc học, Huấn đạo điều khiển. Những vị thầy do trung ương bổ nhiệm và lựa trong làng khoa bảng triều Lê, lương hướng và phẩm trật ngang với tri phủ, tri huyện. Hằng năm vào mùa thu, mở khoa thi Tuân Sĩ, chọn những phần tử ưu tú cho nhập vào Quốc học, các hạng thứ thi cho vào Phủ học. Học và thi đều dùng hai thứ chữ là chữ Hán và chữ Nôm. Nhà vua cũng cho lập Sùng Chính viện, thỉnh La Sơn Phu Tử làm Viện trưởng. Công việc chính của Viện là dịch những tác phẩm có giá trị về đạo đức và văn chương ra chữ Nôm để phổ biến trong toàn quốc. Nhờ sự khuyến khích của vua Quang Trung mà văn chương chữ Nôm thời Tây Sơn rất phát triển.

Để tuyển dụng người tài ra giúp nước song song với các khoa thi Văn vua Quang Trung cũng cho mở các khoa thi Võ tại kinh đô Phú Xuân, tương tự như những khoa thi Hội đời nhà Lê. Tất cả mọi người đều được ứng thí. Ba năm mở một khoa. Khoa đầu tiên mở vào năm Quang Trung thứ nhì (1789). Ngoài ra, để chiêu dụ kẻ sĩ, dưới thời Tây Sơn những kẻ sĩ tự mình hoặc được người có uy danh đề cử, nếu xét quả có tài đức, đều được trọng dụng.

Về tôn giáo vua Quang Trung muốn lấy đạo Nho làm quốc giáo, nên khuyến khích việc phát triển Nho học. Đối với đạo Phật nhà vua cũng ngưỡng mộ nên đề tránh lạm dụng lòng mê tín và phát triển đạo Phật một cách có hệ thống nhà vua xuống chiếu bắt bỏ những chùa nhỏ ở các làng. Mỗi huyện hoặc mỗi phủ được cấp gỗ gạch để xây một ngôi chùa đồ sộ khang trang, rồi chọn những tăng ni có học thức, đạo đức đến trụ trì. Còn những nhà sư đội lốt tu hành, để lợi dụng sự mê tín của người dân đều bị bắt phải hoàn tục. Các đạo khác như Lão giáo, Thiên chúa giáo... được tự do truyền bá. Nói tóm lại dưới triều Tây Sơn, nhân dân được tự do tín ngưỡng.

Giữa lúc mọi việc trong nước đang trên đà phát triển tốt đẹp thì Quang Trung đột ngột qua đời vào năm 1792. Biết bao dự kiến to lớn của người anh hùng kiệt xuất này đành phải bị dở dang và nhà Nguyễn Tây Sơn cũng mai một theo sau đó không lâu.

CƠ CẤU CÔNG QUYỀN THỜI NHÀ NGUYỄN (1802-1945)

Nguyễn Ánh sau khi chiến thắng nhà Tây Sơn thống nhất đất nước đã lên ngôi hoàng đế lấy hiệu là Gia Long, đặt tên nước là Việt Nam và liền cho tổ chức lại guồng máy cai trị. Nhà Nguyễn về cơ bản vẫn giữ nguyên hệ thống quan chế và cơ cấu chánh quyền trung ương giống như các triều đại trước đó. Đứng đầu bộ máy công quyền là vua, nắm mọi quyền hành trong tay. Giúp vua giải quyết giấy tờ, văn thư và ghi chép có Thị thư viện. Về việc quân quốc đại sự thì có 4 vị Điện Đại học sĩ gọi là Tứ trụ Đại thần. Ngoài ra còn có Tông nhân phủ phụ trách các công việc của Hoàng gia. Đặc biệt, để đề cao uy quyền nhà vua và ngăn chặn nạn quyền thần lấn át hoàng đế, vua Gia Long đã đặt ra lệ Tứ bất: Trong triều không lập Tể tướng, thi Đình không lấy Trạng nguyên, trong cung không lập Hoàng hậu, không phong tước vương cho người ngoài họ vua. Vì không đặt ngôi Hoàng hậu nên trong cung chỉ có ngôi Hoàng phi và các cung tần. Sau khi vua mất, thì con lên ngôi, mới tôn mẹ lên làm Hoàng Thái Hậu

Bên dưới, triều đình lập ra 6 Bộ, đứng đầu mỗi bộ là một quan Thượng Thư chịu trách nhiệm chỉ đạo các công việc chung của Nhà nước:

- Bộ Lại : coi việc khảo xét công trạng, thảo những tờ chiếu sắc, v.v...
- Bộ Hộ : coi việc đinh điền thuế má, tiền bạc, v.v...
- Bộ Lễ : coi việc tế tự, tôn phong, cách thức học hành thi cử, v.v...
- Bộ Binh : coi việc binh lính, v.v...
- Bộ Hình : coi việc pháp luật, v.v...
- Bộ Công : coi việc làm cung điện, dinh thự, v.v...

Bên cạnh 6 Bộ còn có Đô sát viện (tức là Ngự sử đài bao gồm 6 khoa song song với 6 bộ) chịu trách nhiệm thanh tra quan lại, Hàn lâm viện phụ trách các sắc dụ, công văn, 5 Tự phụ trách một số sự vụ, phủ Nội vụ coi sóc các kho tàng, Thái y viện chịu trách nhiệm về việc chữa bệnh và thuốc thang,... cùng với một số Ti và Cục khác.

Đến thời vua Minh Mạng tên nước được đổi là Đại Nam và công cuộc cải tổ guồng máy cai trị cũng được tiếp nối. Tại trung ương nhà vua cho thành lập Nội các và Cơ mật viện để cùng với vua bàn chuyện nước, cho lập Quốc tử giám và bắt đầu mở các khóa thi Hội, thi Đình để lấy tiến sĩ, lập Quốc sử quán để góp nhặt và ghi chép những chuyện làm thành quốc sử. Nhà vua cũng cho tu sửa lại kinh thành Huế, công trình kiến trúc quan trọng nhất dưới thời Minh Mạng là cửa Ngọ Môn.

Ngạch quan lại được chia làm 2 ngành văn và võ. Kể từ thời vua Minh Mạng được xác định rõ rệt giai chế phẩm trật từ cử phẩm tới nhất phẩm, mỗi phẩm chia ra chánh và tòng 2 bậc. Trừ khi chiến tranh loạn lạc còn bình thường quan võ phải dưới quan văn cùng phẩm với mình. Quan Tổng đốc (văn) vừa cai trị tỉnh vừa chỉ huy quân lính của tỉnh nhà

Ở cấp chánh quyền địa phương vì do quá trình chia cắt đất nước lâu dài nên mỗi miền, cụ thể là Bắc Hà và Nam Hà có sự phân cấp hành chánh khá khác nhau. Khi mới lên ngôi, vua Gia Long vẫn giữ nguyên cách phân cấp hành chánh cũ: ở Đàng Ngoài các phân cấp hành chánh theo thứ tự là trấn, phủ, huyện, và xã; ở Đàng Trong là trấn, dinh, huyện, và xã. Toàn quốc được tạm chia thành ba khu vực hành chánh lớn là Bắc Thành, Kinh Thành và Gia Định Thành. Mỗi thành do một Tổng trấn đứng đầu. Bắc Thành là vùng đất phía bắc có 11 trấn, gồm 5 nội trấn và 6 ngoại trấn. Kinh thành là vùng miền Trung ngày nay gồm 4 doanh là vùng đất chung quanh Kinh đô Phú Xuân và 7 trấn. Và Gia Định Thành là vùng đất Nam phần ngày nay bao gồm 5 trấn.

Đến thời Minh Mạng, để nhất thể hóa các đơn vị hành chánh trong cả nước, nhà vua cho thực hiện một cuộc cải cách hành chánh lớn, theo đó bỏ các chức tổng trấn, đổi "Thành" thành "Kỳ" và đổi các "dinh, trấn" thành "tỉnh". Đây là lần đầu tiên đơn vị hành chánh tỉnh xuất hiện ở Việt Nam. Ngoài 27 trấn có từ thời Gia Long nay được gọi là tỉnh vua Minh Mạng cho lập thêm 4 tỉnh mới nâng số tỉnh trên toàn quốc là 30 tỉnh và 1 phủ là phủ Thừa Thiên ngang hàng tỉnh là vùng kinh đô đặt trực tiếp dưới quyền cai trị của triều đình. Bắc Kỳ gồm 13 tỉnh, Trung Kỳ gồm 11 tỉnh và Nam Kỳ gồm 6 tỉnh nên thời trước thường gọi là "Nam Kỳ Lục Tỉnh". Người đứng đầu một tỉnh nhỏ là Tuần Phủ, đứng đầu một tỉnh lớn hoặc kiêm 2 hay 3 tỉnh là Tổng Đốc. Giúp việc cho Tổng đốc hay Tuần phủ có Bố chánh sứ ti lo về thuế khóa, hộ khẩu, hành chánh; Án sát sứ ti lo về an ninh, luật pháp. Phụ trách về quân sự có chức Lãnh binh. Tất cả các quan chức đứng đầu tỉnh đều do chánh quyền trung ương trực tiếp bổ nhiệm.

Dưới tỉnh là phủ, huyện, châu, tổng và xã. Triều đình chỉ bổ nhiệm quan chức tới cấp phủ huyện, từ tổng trở xuống thuộc về quyền tự trị của dân. Người dân tự lựa chọn lấy người của mình mà cử ra quản trị mọi việc tại địa phương. Tổng gồm có vài làng hay xã, có một cai tổng và một phó tổng do Hội đồng Kỳ mục của các làng cử ra để quản lý thuế khóa, đê điều và trị an trong tổng. Các xã cũng được hưởng quyền tự trị rất lớn, tự họ cai trị theo những tục lệ riêng ghi trong hương ước của làng. Hội đồng Kỳ mục trông coi tất cả công sản và thuế khóa, đê điều, trị an cho xã. Họ cũng phải lo phân phối công điền giữa các dân đinh mỗi kỳ quân cấp và chỉ định thanh niên đi lính.

Đối với vùng thượng du và với các khu vực sinh sống của các dân tộc thiểu số, chủ yếu là 6 ngoại trấn của Bắc Thành cũ, vua Minh Mạng quyết định nhất thể hóa về mặt hành chính cùng với các vùng miền xuôi. Năm 1829 ông bãi bỏ chế độ thổ tập của các Thổ tri (các tù trưởng của dân tộc thiểu số) và thay vào đó cho quan lại triều đình lựa chọn trong những thổ hào có uy tín ở địa phương làm Thổ tri các châu huyện. Tiếp theo, các châu huyện miền núi cũng được phân chia lại để phù hợp với diện tích và dân số mỗi vùng. Sau đó, vua Minh Mạng còn đặt thêm một chức lưu quan do người Kinh nắm giữ để khống chế các vùng này tốt hơn và tiến hành thu thuế các loại như ở miền xuôi.

Về lãnh vực giáo dục, các vua nhà Nguyễn rất đề cao Nho học, cho lập Văn Miếu ở các doanh, các trấn thờ đức Khổng Tử và lập Quốc tử giám năm 1803 ở Kinh thành Huế để dạy cho con các quan và các sĩ tử, mở khoa thi Hương lấy những người có học, có hạnh ra làm quan. Cũng trong năm này, Gia Long cũng cho ban hành hai đạo dụ về việc mở các trường ở các trấn, ấn định nhân viên giáo giới và chương trình học chế đồng thời tái lập lại các khoa thi ở các trấn. Ở mỗi trấn có một quan Đốc Học, một phó Đốc Học hay Trợ Giáo. Cứ tháng 10 hàng năm triều đình mở một kỳ thi. Theo thông lệ cứ ba năm triều đình mở khoa thi Hương ở các địa phương. Những người trúng cao ở khoa thi Hương gọi là cử nhân, trúng thấp gọi là tú tài. Năm sau ở Kinh đô mở khoa thi Hội tại bộ Lễ, những cử nhân năm trước khi ứng thí, nếu trúng cách thì được tiếp tục thi Đình ở trong điện nhà vua để lấy các bậc Tiến sĩ. Trong dân chúng, việc học tập có tánh chất tự do hơn. Bất kỳ người nào có học lực khá cũng có thể mở trường tư thục để dạy học. Mỗi làng có vài ba trường tư thục, hoặc ở nhà thầy, hoặc ở nhà người hào phú nuôi thầy cho con học và cho con các nhà lân cận đến học.

Về phương diện quân sự, một trong những thành quả vua Gia Long đạt được sau nhiều năm nội chiến với Tây Sơn là xây dựng được một quân đội hoàn thiện hơn, chính quy hơn và tương đối mạnh với trang bị và tổ chức kiểu phương Tây. Quân đội được tổ chức thành 4 binh chủng: bộ binh, tượng binh, thủy binh và pháo binh, trong đó bộ binh và thủy binh được chú trọng xây dựng để tác chiến độc lập. Về tổ chức, quân đội được chia làm quân chính quy đóng tại kinh thành và những nơi xung yếu; và quân tại các địa phương có nhiệm vụ trị an. Ngoài ra, còn có quân trừ bị. Để bổ sung binh sĩ mới, vua Gia Long cho thực hiện phép giản binh, theo hộ tịch tùy nơi mà định, lấy 3, 5 hay 7 suất đinh tuyển 1 người lính. Về trang thiết bị ngoài vũ khí cổ truyền, quân chính quy được trang bị hỏa khí mua của phương Tây như đại bác, súng trường, thuyền máy, thuốc nổ... Các loại súng thần công, đại bác được đúc với kích thước, trọng lượng thống nhất; thành lũy, đồn to nhỏ cũng được quy định cho từng cấp với số lượng quân nhất định.

Về lãnh vực thuế khóa, nhà Nguyễn xoá bỏ tất cả chế độ thuế khoá cũ của Tây Sơn để đặt lại thuế khoá mới nặng hơn thời trước. Vua Gia Long cho sửa lại hộ tịch và điền tịch đã hư hỏng qua thời nội chiến. Hộ tịch phân ra 9 hạng, tùy từng hạng mà nộp thuế toàn bộ hay được miễn giảm một nửa hoặc miễn trừ cả sưu thuế lẫn sai dịch. Thời Minh Mạng định lại thuế điền, chia cả nước ra 3 khu vực để đánh thuế. Ngoài thuế khóa, mỗi người dân đình phải chịu 60 ngày lao dịch cho triều đình. Lao dịch thường là để làm các việc xây sửa hệ thống đê điều, kênh rạch, sông ngòi; xây đắp các thành lũy; xây dựng các cung điện cho hoàng gia. Trên thực tế, người dân phải lao dịch khá nặng trong thời gian vương triều Nguyễn vì phải xây dựng nhiều cung điện, lăng tẩm, dinh thự.

Về luật pháp lúc đầu nhà Nguyễn chưa có một bộ luật rõ ràng, chi tiết. Vua Gia Long mới lệnh cho các quan tham khảo bộ luật Hồng Đức để rồi từ đó tạm đặt ra 15 điều luật quan trọng nhất. Đến năm 1811, bộ Hoàng Việt luật lệ mới được vua Gia Long ban hành gồm 398 điều chia làm 7 chương và chép trong một bộ sách gồm 22 cuốn, được in phát ra khắp mọi nơi để dân chúng hiểu luật mà tuân theo.

Để phục hồi đất nước và thương nghiệp sau một thời gian dài suy thoái vì chiến tranh. Vua Gia Long và các vua nhà Nguyễn cho sửa sang đường sá, vét đào các sông ngòi, đắp các đê điều để giúp cho việc giao thông và làm ăn của người dân được tiện lợi. Song song các vua triều Nguyễn cũng làm nhiều cải cách tiền tệ như cho đúc những nén vàng, nén bạc để làm chi tệ trao đổi nhờ đó thương nghiệp đã phát triển hơn so với thế kỷ trước.

Tiếp tục chính sách của các chúa Nguyễn trước kia, các vua nhà Nguyễn cũng tiếp tục công cuộc khẩn hoang mở rộng đất đai về phương nam. Ở Nam Kỳ, người dân đã tự do đến khẩn hoang với tư cách cá nhân hoặc tập thể dưới sự giúp đỡ của triều đình. Triều đình nhà Nguyễn dành cho việc khai hoang đất mới với nhiều quan tâm và ưu tiên. Triều đình đã cho tiến hành và áp dụng nhiều chính sách khác nhau để khai khẩn đất hoang và đã đem lại nhiều kết quả tốt đẹp. Nhờ đó diện tích ruộng đất dành cho phát triển nông nghiệp tăng lên gấp bội và cuộc sống của người dân ở các vùng đất mới ở Nam kỳ trở nên sung túc.

Mọi việc canh tân và phát triển cơ cấu công quyền cũng như đất nước đang trên đà tiến triển tốt đẹp thì đến triều vua Tự Đức quân Pháp lấy cớ bảo vệ các người theo đạo Thiên chúa bị vua Việt Nam sát hại đã đem quân xâm chiếm Việt Nam. Cuộc chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ và kết thúc bằng các hòa ước ký vào các năm 1862, năm 1867, năm 1874, năm 1883 và năm 1884 lần lượt đặt toàn lãnh thổ Việt Nam dưới sự cai trị của thực dân Pháp. Từ đó các vua nhà Nguyễn tuy còn tại vị và trên danh nghĩa còn quyền hành nhưng trên thực tế mọi việc do người Pháp điều khiển và kiểm soát chặt chẽ. Đến năm 1945, trước sự nổi dậy của toàn dân Việt Nam chống nhà cầm quyền thuộc địa Pháp, và sức ép của nhiều biến cố dồn dập vua Bảo Đại đã thoái vị chấm dứt triều đại nhà Nguyễn kéo dài được 143 năm, đồng thời cũng chấm dứt luôn chế độ và cơ chế quân chủ của Việt Nam.

04/2009

Nguyễn Minh Triết

Tài liệu tham khảo:

1. Phân Cấp Hành Chính thời Phong kiến:

http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A2n_c%E1%BA%A5p_h%C3%A0nh_ch%C3%ADnh_th%E1%BB%9Di_phong_ki%E1%BA%BFn

2. Hành chính Đại Việt thời Lê Sơ:

http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0nh_ch%C3%ADnh_%C4%90%E1%BA%A1i_Vi%E1%BB%87t_th%E1%BB%9Di_L%C3%AA_s%C6%A1

3. Hành chính Đại Việt thời Lý:

http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0nh_ch%C3%ADnh_%C4%90%E1%BA%A1i_Vi%E1%BB%87t_th%E1%BB%9Di_L%C3%BD

4. Hành chính Đại Việt thời Trần:

http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0nh_ch%C3%ADnh_%C4%90%E1%BA%A1i_Vi%E1%BB%87t_th%E1%BB%9Di_Tr%E1%BA%A7n

5. Hành Chính Đàng Ngoài thời Lê trung hưng:

http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0nh_ch%C3%ADnh_%C4%90%C3%A0ng_Ngo%C3%A0i_th%E1%BB%9Di_L%C3%AA_trung_h%C6%B0ng

6. Hành Chính Đàng Trong thời Lê trung hưng:

http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0nh_ch%C3%ADnh_%C4%90%C3%A0ng_Trong_th%E1%BB%9Di_L%C3%AA_trung_h%C6%B0ng